

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA VÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 477/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20/11/2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Trình

- Ông Lê Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa: Bà **Đào Thanh Huyền** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/11/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2020/TLST-.HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2020/QĐXX-ST ngày 06 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1994

+ **Bị đơn:** Anh **Kiêu Văn Công**, sinh năm 1992

Đều HKTT: Thôn VM, xã CT, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội

(Chị Q và anh C đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 06/10/2020, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày: Chị Nguyễn Thị Q kết hôn với anh Kiều Văn C trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CT, huyện Ba Vì ngày 09/12/2013. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Anh C nhiều lần đánh, sự việc đã được gia đình khuyên giải nhiều nhưng không có kết quả, chị Q đã về nhà bố mẹ đẻ sống từ ngày 07/9/2020 đến nay, do vậy vợ chồng đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh C.

- Về con chung: Có 02 con chung là Kiều Thị Kim D, sinh ngày 08/7/2014 và Kiều Xuân T1, sinh ngày 29/2/2016. Hiện cháu Kiều Thị Kim D đang sống cùng chị Q, cháu T1 đang ở cùng anh C. Khi ly hôn chị Q xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kiều Thị Kim D; chị Q đồng ý để anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kiều Xuân T1 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Q không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Chị Q xác nhận không có

+ *Tại bản tự khai ngày 06/10/2020 bị đơn anh Kiều Văn C trình bày:* Anh Kiều Văn C kết hôn với chị Nguyễn Thị Q trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã CT, huyện Ba Vì ngày 09/12/2013. Sau kết hôn anh chị về sống cùng gia đình anh C tại thôn Văn Minh, xã CT. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 7 năm thì xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, anh có tát chị Q. Sự việc sau đó đã được giảng hòa, vợ chồng tiếp tục chung sống đến tháng 8/2020, chị Q đi làm điện nước ở thị xã Sơn Tây, hết giờ làm không về nhà mà đi chơi đến sáng hôm sau mới về, gia đình và anh đã khuyên giải chị Q thay đổi để chăm lo hai con do anh đi làm xa nhưng chị Q không nghe mà tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ ngày 17/9/2020. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh còn yêu thương chị Q nên không đồng ý giải quyết ly hôn, mong muốn Tòa án hòa giải cho anh chị đoàn tụ.

+ Về con chung: Anh C và chị Q có hai con chung là Kiều Thị Kim D, sinh ngày 08/7/2014 và Kiều Xuân T1, sinh ngày 29/2/2016. Hiện cháu Kiều Thị Kim D đang sống cùng chị Q, cháu Kiều Xuân T1 đang sống cùng anh C. Trường hợp chị Q kiên quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Anh C xác nhận không có

Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã nhiều lần mở phiên hòa giải, tạo điều kiện cho chị Q, anh C khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng về chung sống đoàn tụ với nhau. Tại phiên hòa giải lần thứ 2, anh C xác định việc vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 17/9/2020 đến nay, anh không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ hôn nhân nhưng anh không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tạo điều kiện, hòa giải cho các đương sự nhưng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q vẫn giữ nguyên quan điểm của mình về hôn nhân, con chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì có quan điểm: Việc Tòa án nhân dân huyện Ba Vì thụ lý đơn của chị Nguyễn Thị Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định tại Điều 171 BLTTDS. Sau khi ra Quyết định xét xử Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho đương sự và Viện Kiểm sát đúng thời hạn. Tòa án đã chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS. Về hôn nhân: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh C đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, do vậy đại diện Viện Kiểm sát căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị HĐXX quyết định cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Kiều Văn C để giải phóng cho cả hai. Về con chung: có hai con chung là Kiều Thị Kim D, sinh ngày 08/7/2014 và Kiều Xuân T1, sinh ngày 29/2/2016. Hiện cháu Kiều Thị Kim D đang sống cùng chị Q, cháu Kiều Xuân T1 đang sống cùng anh C. Điều kiện mọi mặt của chị Q, anh C ngang nhau, các cháu đều chưa đủ 7 tuổi để lấy lời khai về nguyện vọng. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giao chị Q, anh C mỗi người nuôi một con chung đến khi đủ 18 tuổi. Chị Q, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng, công sức, nợ chung: Chị Q, anh C đều xác nhận không có. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Q khởi kiện xin ly hôn anh Kiều Văn C – Trú tại thôn Văn Minh, xã CT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Do vậy việc Tòa án nhân dân huyện Ba Vì thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015].

[2] Về hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Kiều Văn C là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CT, huyện Ba Vì, Hà Nội ngày 09/12/2013. Sau khi kết hôn, chị Q, anh C sinh sống cùng gia đình anh C ở thôn Văn Minh, xã CT. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, giữa vợ chồng không thống nhất được việc làm và thời gian chăm sóc gia đình, con nhỏ. Diễn biến mâu thuẫn vợ chồng càng nặng nề, anh C có tát chị Q. Sự việc đã được gia đình, đại diện ban công tác mặt trận thôn Văn Minh quan tâm khuyên nhủ nhưng giữa chị Q, anh C không tìm được giải pháp khắc phục dẫn tới dạn nứt tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 17/8/2020 đến nay.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị Q và yêu cầu xin đoàn tụ của anh C là hợp pháp, mặc dù anh C xác định vẫn còn yêu thương chị Q nhưng anh C thừa nhận đến nay không có giải pháp gì để cải thiện quan hệ hôn nhân. Chị Q kiên quyết xin ly hôn để giải phóng bản thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã nhiều lần mở phiên hòa giải đoàn tụ cho chị Q, anh C nhưng đều không thành. Tại phiên tòa, HĐXX tiếp tục hòa giải đoàn tụ nhưng chị Q kiên quyết xin ly hôn. HĐXX xác định hôn nhân giữa chị Q, anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình cho chị Q được ly hôn anh C là có căn cứ, đúng pháp luật. Bác yêu cầu xin đoàn tụ của anh C.

[3] Về con chung: có hai con chung là Kiều Thị Kim D, sinh ngày 08/7/2014 và Kiều Xuân T1, sinh ngày 29/2/2016. Hiện cháu Kiều Thị Kim D đang sống cùng chị Q tại xã Chu Minh và theo học trường tiểu học xã Chu Minh; Cháu Kiều Xuân T1 đang sống cùng anh C tại xã CT.

Xét yêu cầu của chị Q có nguyện vọng xin được nuôi cháu Kiều Thị Kim D, sinh ngày 08/7/2014 đến khi đủ 18 tuổi; Xét nguyện vọng của anh Kiều Văn C xin trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung Kiều Thị Kim D, Kiều Xuân T1 đến khi đủ 18 tuổi thấy rằng: Nguyện vọng nuôi con của chị Q, anh C đều là nguyện vọng chính đáng thể hiện trách nhiệm cũng như tình yêu thương của bậc làm cha mẹ. Nhưng điều kiện cuộc sống của chị Q và anh C là ngang nhau, do vậy yêu cầu của chị Q giải quyết về con chung giao mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng 1 con chung sau khi ly hôn là phù hợp, bảo đảm quyền lợi mọi mặt cho con chung chưa thành niên nên được chấp nhận. Do vậy HĐXX xét thấy cần thiết phải giao chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kiều Thị Kim D, sinh ngày 08/7/2014 đến khi đủ 18 tuổi hoặc có yêu cầu thay đổi khác. Giao anh Kiều

Văn C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kiều Xuân T1, sinh ngày 29/2/2016 đến khi đủ 18 tuổi hoặc có yêu cầu thay đổi khác là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Kiều Xuân T1 cho chị Nguyễn Thị Q; Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Kiều Thị Kim D cho anh Kiều Văn C cho đến khi có yêu cầu hoặc thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị Q; anh Kiều Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Q, anh Kiều Văn C cùng xác nhận không có.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, Điều 69, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 227 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 26/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1/ Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con. Cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Kiều Văn C.

2/ Về con chung: có hai con chung là Kiều Thị Kim D, sinh ngày 08/7/2014 và Kiều Xuân T1, sinh ngày 29/2/2016.

Giao chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kiều Thị Kim D, sinh ngày 08/7/2014 đến khi đủ 18 tuổi hoặc có yêu cầu thay đổi khác.

Giao anh Kiều Văn C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kiều Xuân T1, sinh ngày 29/2/2016 đến khi đủ 18 tuổi hoặc có yêu cầu thay đổi khác

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Kiều Xuân T1 cho chị Nguyễn Thị Q; Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Kiều Thị Kim D cho anh Kiều Văn C cho đến khi có yêu cầu hoặc thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị Q; anh Kiều Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, công sức đóng góp: Không có

4/ Về nợ chung: Không có

5/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp theo biên

lai số 00277 ngày 05/10/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

6/ Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Q , anh Kiều Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự“.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện
- Người tham gia tố tụng
- UBND xã CT;
- THA dân sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Phúc Thịnh